

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT Ở XÃ TÂN THUẬN ĐÔNG, THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Lê Diễm Kiều¹, Đinh Văn Thuận² và Phạm Quốc Nguyên^{1*}

¹Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Sinh viên, Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Phạm Quốc Nguyên, Email: pqnguyen@dthu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 28/11/2022; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/5/2023; Ngày duyệt đăng: 31/5/2023

Tóm tắt

Nghiên cứu về hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) ở xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp bằng phương pháp thu thập thông tin ở 50 hộ dân và phân tích 30 mẫu rác thải. Kết quả điều tra đã ghi nhận lượng CTRSH trung bình là 0,54 kg/người/ngày. Tỷ lệ hộ dân có phân loại rác thải là 84%, nhưng tái sử dụng rác thải chỉ chiếm 34%, mà hầu hết đều có bán rác chai nhựa, hộp kim loại để tái chế (92% hộ dân). CTRSH của gia đình được chứa trong thùng rác (62% hộ dân) và túi nilon (38% hộ dân). Tỷ lệ hộ dân sử dụng dịch vụ thu gom rác hữu cơ là 74% hộ dân và rác nguy hại là 76% hộ dân, riêng rác thải vô cơ thì tỷ lệ hộ dân bán tái chế là 90%. Tuy vậy vẫn còn 1 số hộ dân đốt rác hữu cơ (10% hộ dân) và rác vô cơ (4% hộ dân). Người dân được phỏng vấn đều hiểu ảnh hưởng của CTRSH đến môi trường và sức khỏe và hiệu quả của dịch vụ thu gom rác ở địa phương. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ thu gom (76%) và tham gia các hoạt động quản lý rác ở địa phương (28%) còn thấp. Kết quả phân tích mẫu CTRSH đã cho thấy lượng rác thải là $0,45 \pm 0,18$ (kg/người/ngày), rác thải hữu cơ chiếm tỷ lệ cao nhất 66,45%. Âm độ trung bình của rác thải là 68,72%. Cần có những giải pháp tuyên truyền và khuyến khích người dân thực hiện tái sử dụng, sử dụng các dịch vụ thu gom và thực hiện công tác quản lý CTRSH.

Từ khóa: Chất thải rắn sinh hoạt, quản lý rác thải, tái sử dụng, tái chế.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.8.2023.1151>

Trích dẫn: Lê, D. K., Đinh, V. T., & Phạm, Q. N. (2023). Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt ở xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(8), 52-59. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.8.2023.1151>.

THE CURRENT STATUS OF HOUSEHOLD SOLID WASTE MANAGEMENT IN TAN THUAN DONG COMMUNE, CAO LANH CITY, DONG THAP PROVINCE

Le Diem Kieu¹, Dinh Van Thuan², and Pham Quoc Nguyen^{1*}

¹Faculty of Agriculture and Environment Resources, Dong Thap University, Vietnam

²Student, Faculty of Agriculture and Environment Resources, Dong Thap University, Vietnam

*Corresponding author: Pham Quoc Nguyen, Email: pqnguyen@dthu.edu.vn

Article history

Received: 28/11/2023; Received in revised form: 05/5/2023; Accepted: 31/5/2023

Abstract

The 50 household solid waste (HSW) management in Tan Thuan Dong commune, Cao Lanh city, Dong Thap province was surveyed and analyzed 30 waste samples. The survey results showed that the average about 0.54 kg/person/day was used, and 84% of the respondents segregated their waste, but 34% of them reused it. Meanwhile, the majority (92%) sell plastic bottles and metal cans for recycling. Their HSL is stored in bins (62% of households) and plastic bags (38% of households). The majority of the organic waste (74%) and hazardous waste (76%) are treated by using collection services, but most of the inorganic waste (90%) is sold to recycle. However, some households burn organic waste (10%) and inorganic waste (4%). Most of interviewees understood the impacts of solid waste on the environment and health, and local garbage collection services. However, the households used collection services (76% of households) and joined local waste management activities (28% of households). The analysis of waste samples showed that the average amount of waste is 0.45 ± 0.18 (kg/person/day) and organic waste had the highest rate of waste mass by 66.45%. The average moisture content of solid waste samples was 68.72%. There should be solutions to propagate and encourage people to reuse, use collection services and practice solid waste management well.

Keywords: Household solid waste, recycle, reuse, waste management.

1. Đặt vấn đề

Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người (Chính phủ, 2022). Theo thống kê, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp vào năm 2019 khoảng 800 tấn/ngày, trong đó khu vực đô thị là 360 tấn/ngày, khu vực nông thôn là 440 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom trung bình tại khu vực đô thị đạt 80%, khu vực nông thôn đạt 44% tại thành phố Cao Lãnh, công tác phân loại, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình và các cơ sở có quy mô nhỏ lẻ vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đa phần chất thải nguy hại lẫn vào chất thải sinh hoạt chưa được thu gom, xử lý đúng theo quy định. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cộng đồng và môi trường (Bộ Tài nguyên và môi trường, 2019). Xã Tân Thuận Đông của thành phố Cao Lãnh thuộc tỉnh Đồng Tháp là một xã có những điều kiện khó khăn, bất lợi cho việc thu gom, quản lý và xử lý loại chất thải rắn sinh hoạt này. Việc nghiên cứu “Khảo sát hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình ở xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”, cần được thực hiện nhằm đề xuất các giải pháp quản lý CTRSH, giúp cải thiện chất lượng môi trường và sức khỏe, đời sống của người dân, giảm áp lực do CTRSH gây ra, cũng như hướng đến thực hiện phân loại rác tại nguồn theo qui định của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát về hiện trạng quản lý CTRSH được thực hiện ở 50 hộ gia đình ở xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp từ ngày 9/2020 - 5/2021.

2.1. Điều tra về hiện trạng quản lý rác thải sinh hoạt

Lập phiếu khảo sát về hiện trạng quản lý thu gom, vận chuyển, xử lý CRTSH của hộ gia đình.

Thực hiện điều tra khảo nghiệm phiếu khảo sát ở 5 hộ dân, kiểm tra điều chỉnh và hoàn thiện phiếu khảo sát.

Thực hiện khảo sát 50 hộ dân ở khu vực xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp về hiện trạng thu gom và xử lý CRTSH tại hộ gia đình.

2.2. Khảo sát về lượng và thành phần rác thải

Khảo sát khối lượng và thành phần (rác hữu cơ, vô cơ và nguy hại) (theo Luật bảo vệ môi trường

2020) của rác thải sinh hoạt của 15 hộ gia đình của xã Tân Thuận Đông với tần suất thu mẫu CTRSH là 02 lần/hộ ở 2 tuần liên tiếp, tương ứng với tổng số mẫu CRTSH là 30 mẫu rác, với lượng CTRSH trung bình $1,55 \pm 0,37$ kg/mẫu.

2.3. Xác định độ ẩm của chất thải rắn

Thu mẫu đại diện từng loại rác thải hữu cơ, vô cơ và nguy hại để sấy ở nhiệt độ 105°C đến khi khối lượng không đổi để xác định độ ẩm của rác thải theo công thức sau:

$$M = \frac{m1 - m2}{m1} \times 100\%$$

trong đó: M: là độ ẩm CTRSH (%), m1 và m2 tương ứng là khối lượng rác trước và sau khi sấy (g).

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm Excel 2010 và SPSS 22 (Statistical Package for the Social Sciences) để tổng hợp, phân tích thống kê mô tả và kiểm định chi bình phương phân tích các dữ liệu điều tra và thành phần rác thải.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đặc điểm chung về hộ dân ở xã Tân Thuận Đông

Trong số 50 hộ dân được khảo sát về hiện trạng quản lý CTRSH thì nữ chiếm 54% và nam chiếm 46%; người có độ tuổi từ 30-50 tuổi chiếm đến 60%, ở độ tuổi từ 50 tuổi trở lên chiếm 36% và nhóm tuổi dưới 30 tuổi chỉ chiếm 4%. Trình độ học vấn của những người dân được phỏng vấn chủ yếu là cấp 1 (chiếm 32%), cấp 2 (chiếm 50%), cấp 3 là 16% và chỉ có 2% có trình độ đại học. Vì vậy, nghề nghiệp của người dân được phỏng vấn là làm ruộng, vườn (64%); 28% số hộ có cơ sở sản xuất và buôn bán nhỏ và 8% là công nhân, viên chức. Nguyên nhân là do lĩnh vực phát triển kinh tế chính của địa phương chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và một số loại hình dịch vụ nhỏ lẻ. Điều này đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế, nhu cầu tiêu dùng và đặc điểm của rác thải của các hộ dân.

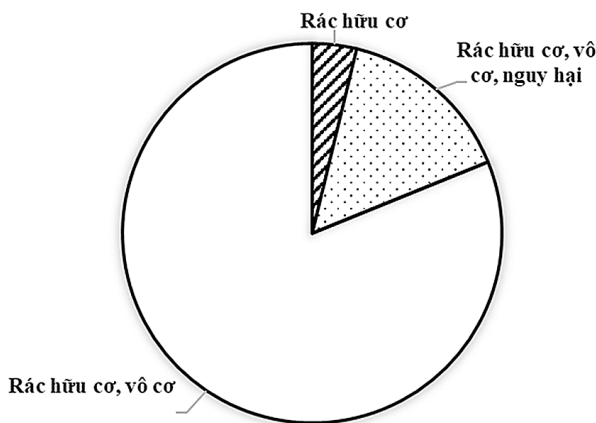
3.2. Đặc điểm rác thải sinh hoạt của hộ dân

3.2.1. Đặc điểm CTRSH của hộ dân được điều tra

Từ kết quả điều tra ở các hộ dân thì lượng rác thải trung bình là $2,25 \pm 0,87$ kg/hộ/ngày, lượng rác thải chủ yếu phụ thuộc vào số lượng người trong gia đình. Số nhân khẩu trung bình của những hộ dân được khảo

sát là $4,4 \pm 1,4$ người/hộ nên lượng rác thải trung bình của một người trong một ngày là $0,54$ kg/người/ngày ($0,2-1,0$ kg/người/ngày). Kết quả này tương ứng với lượng rác thải sinh hoạt trung bình của mỗi người dân ở tỉnh Đồng Tháp năm 2019 là $0,5$ kg/người/ngày (Bộ Tài nguyên và môi trường, 2019) và lượng rác thải bình quân ở khu vực đô thị của tỉnh Bắc Giang với $0,58$ kg/người/ngày (Nguyễn & cs., 2020).

Rác thải phát sinh chủ yếu của gia đình chỉ có chứa rác thải hữu cơ dễ phân hủy, rác thải vô cơ khó phân hủy (chiếm 86% hộ được khảo sát), 10% gia đình có cả 3 thành phần rác thải hữu cơ, vô cơ và nguy hại và 4% hộ dân cho biết gia đình chỉ có loại rác thải hữu cơ dễ phân hủy (Hình 1). Điều này có thể thấy lượng rác thải của người dân chủ là những thành phần rác hữu cơ và rác vô cơ, tần suất xuất hiện rác thải nguy hại thấp, tuy nhiên cũng có thể người dân chưa nhận biết được rác thải nguy hại.



Hình 1. Loại rác thải của những hộ gia đình được khảo sát

3.2.2. Ẩm độ và thành phần chất thải rắn sinh hoạt của các mẫu được khảo sát

* Độ ẩm của chất thải rắn sinh hoạt

Từ kết quả phân tích mẫu rác thải đã ghi nhận ẩm độ của rác thải sinh hoạt là 68,72%, nằm trong khoảng ẩm độ của CTRSH ở Việt Nam với độ ẩm dao động 65 - 95% (Bộ TNMT, 2020), trong đó ẩm độ của rác thải hữu cơ là cao nhất với 75,2%, tiếp đến là rác thải vô cơ với 65,0% và thấp nhất là rác thải nguy hại với 5,8%. Vì thành phần rác thải nguy hại chủ yếu là pin và mạch điện tử. Độ ẩm càng cao thì khả năng ô nhiễm, sinh ra nước rỉ rác có chất ô nhiễm của thành phần đó càng lớn, vì vậy cần phân loại và xử lý từng loại rác cho phù hợp.

* Lượng và thành phần chất thải rắn sinh hoạt

Kết quả khảo sát lượng và thành phần rác thải ở 15 hộ gia đình đã ghi nhận được tổng lượng rác thải tươi trung bình của một hộ là $1,55 \pm 0,37$ (kg/hộ) với số thành viên trung bình trong gia đình là $3,93 \pm 1,31$ (người/hộ) nên lượng rác thải tươi trên người $0,45 \pm 0,18$ (kg/người) (Bảng 1), phù hợp với kết quả điều tra ở các hộ dân về lượng rác thải và thành phần rác thải ở địa phương ($0,53$ kg/người/ngày) và kết quả báo cáo về lượng rác thải trung bình ở tỉnh Đồng Tháp năm 2019 với $0,5$ kg/người/ngày. Tuy nhiên thấp hơn so với chỉ số phát sinh CTR đô thị trung bình toàn cầu khoảng $0,74$ kg/người/ngày (Ngân hàng thế giới, 2018), nguyên nhân có thể do sự phát triển kinh tế ở địa phương chưa cao.

Bảng 1. Phân bố khối lượng thành phần của rác thải sinh hoạt

Loại rác thải	Lượng rác thải (kg/hộ) (TB±độ lệch chuẩn)		Ẩm độ (%)
	Tươi	Khô	
Hữu cơ	$1,03 \pm 0,18$	$0,25 \pm 0,07$	75,2
Vô cơ	$0,44 \pm 0,18$	$0,15 \pm 0,06$	65,0
Nguy hại	$0,08 \pm 0,07$	$0,08 \pm 0,06$	5,8
Tổng rác thải	$1,55 \pm 0,37$	$0,48 \pm 0,13$	68,72
Tổng rác thải/ người	$0,45 \pm 0,18$	$0,14 \pm 0,06$	-

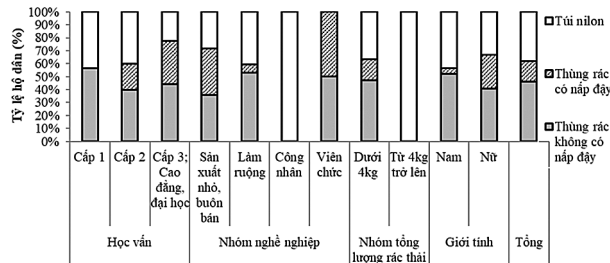
Lượng rác thải hữu cơ (tươi) là $1,03 \pm 0,18$ (kg/hộ) chiếm 66,45% tổng lượng rác thải; rác thải vô cơ (tươi) là $0,44 \pm 0,18$ (kg/hộ) chiếm 28,39%; rác thải nguy hại (tươi) là $0,08 \pm 0,07$ (kg/hộ) chiếm 5,16%. Kết quả ước tính rác thải khô (từ lượng rác thải tươi và ẩm độ) đã ghi nhận được lượng rác khô tương ứng là rác hữu cơ $0,26 \pm 0,07$ (kg/hộ); rác vô cơ $0,15 \pm 0,06$ (kg/hộ); rác nguy hại là $0,08 \pm 0,06$ (kg/hộ) và khối lượng rác thải khô trung bình của mỗi hộ là $0,49 \pm 0,13$ (kg) và trên người là $0,14 \pm 0,06$ (kg/người) (Bảng 3). Kết quả này phù hợp với tình trạng rác thải chung của nước ta với thành phần chất hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (thực phẩm thải) trong CTRSH của hộ gia đình chiếm tỷ lệ cao hơn các thành phần khác và thành phần này đang thay đổi theo chiều hướng giảm dần với tỷ lệ 80 - 96% giảm còn 50 - 70% trong cả nước và ở TP. Hồ Chí Minh là 59,2% ở năm 2017; nguyên nhân là do sự thay đổi lối

sống của cư dân đô thị là nhanh và tiện lợi (Nguyễn Trung Việt, 2012).

3.3. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ dân

3.3.1. Dụng cụ chứa rác thải sinh hoạt

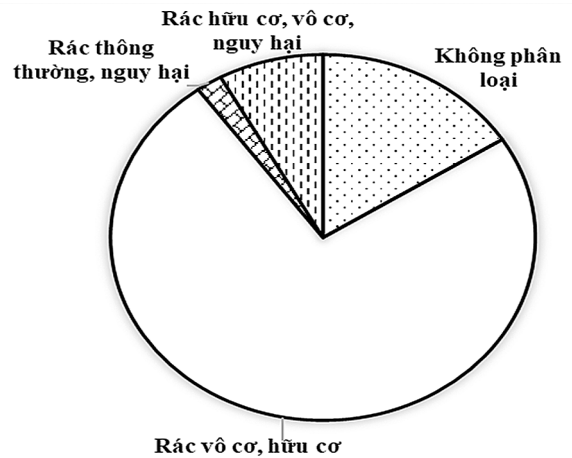
Từ kết quả khảo sát cho thấy, dụng cụ được hộ dân lựa chọn để chứa CTRSH của gia đình chủ yếu là thùng rác (62% hộ dân), tuy nhiên có đến 46% hộ dân được phỏng vấn sử dụng thùng chứa rác không có nắp đậy, bên cạnh đó có đến 38% số hộ dân sử dụng túi nilon để chứa rác. Nguyên nhân có thể do sự tiện lợi của thùng rác không có nắp đậy và túi nilon. Việc lựa chọn dụng cụ chứa rác có phần chịu ảnh hưởng của trình độ học vấn, nghề nghiệp, giới tính và lượng rác thải. Trong đó, tỷ lệ hộ dân chọn thùng rác và thùng rác có nắp đậy tăng theo trình độ học vấn. Hầu hết hộ dân làm công nhân hay có lượng rác thải trên 4 kg đều chọn dụng cụ chứa rác là túi nilon (Hình 2). Tuy nhiên dụng cụ chứa rác có nắp đậy mới có thể đảm bảo an toàn về cho sức khỏe và môi trường. Qua đây cho thấy cần có những giải pháp tuyên truyền về việc sử dụng dụng cụ chứa rác an toàn cho người dân ở địa phương.



Hình 2. Những yếu tố ảnh hưởng đến lựa chọn dụng cụ chứa rác

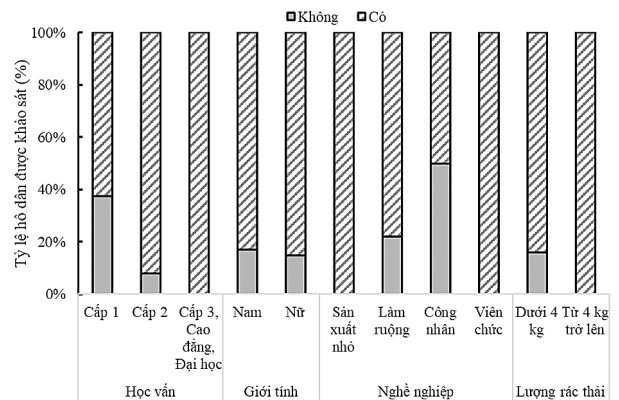
3.3.2. Phân loại rác thải sinh hoạt

Tỷ lệ người dân được khảo sát cho biết có thực hiện phân loại rác thải chiếm 84%. Trong đó, 74% hộ dân có phân loại rác vô cơ và rác hữu cơ, 8% phân loại rác vô cơ, rác hữu cơ và rác nguy hại; 2% phân loại rác thông thường với rác thải nguy hại (Hình 3). Điều này cho biết người dân ở xã cũng chủ động trong việc phân loại rác thải sinh hoạt của gia đình mình. Đây là điều kiện thuận lợi khi áp dụng phân loại rác tại nguồn giúp làm giảm lượng rác phát thải của gia đình nếu người dân có giải pháp tái sử dụng, bán tái chế hay các phương pháp xử lý phù hợp.



Hình 3. Phân bố nhóm phương pháp phân loại rác thải

Tỷ lệ người dân phân loại rác thải có khuynh hướng phụ thuộc vào trình độ học vấn, nghề nghiệp, giới tính và lượng CTRSH. Trong đó, tỷ lệ người dân phân loại CTRSH tăng theo trình độ học vấn, nên cũng thay đổi theo nghề nghiệp với 100% người sản xuất, buôn bán nhỏ và viên chức đều có phân loại rác thải, trong khi người dân làm nông nghiệp là 78%, thấp nhất là công nhân với 50%. Hộ gia đình có lượng CTRSH từ 4 kg trở lên có tỷ lệ phân loại cao hơn so với những hộ gia đình có lượng CTRSH thấp hơn (84%). Bên cạnh đó, 85% nữ và 83% nam được phỏng vấn cho biết gia đình có thực hiện phân loại rác thải, qua đây cho thấy nam cũng rất quan tâm đến công tác quản lý rác thải của gia đình (Hình 4).

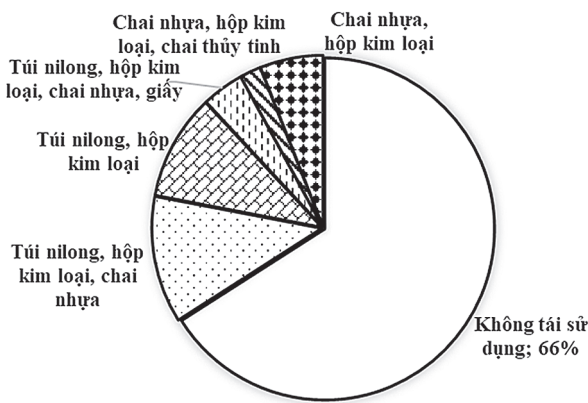


Hình 4. Những yếu tố ảnh hưởng đến phân loại CTRSH

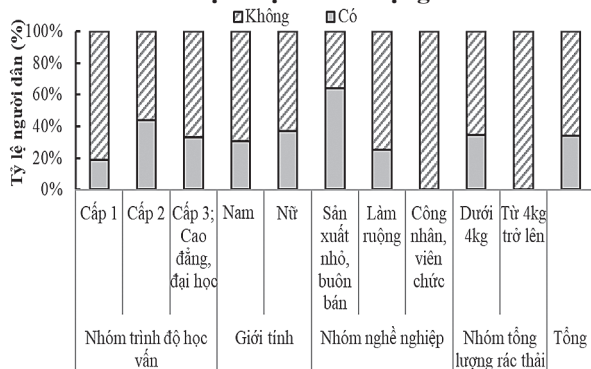
3.3.3. Tình hình tái sử dụng rác thải sinh hoạt của hộ dân

Từ kết quả cho thấy, 34% người dân được khảo sát có phân tái sử dụng CTRSH tại hộ gia đình phổ

biến nhất là rác thải khó phân hủy như hộp kim loại (34% người dân), túi nilon (26%), chai nhựa (24%), và chai thủy tinh (2%); tỷ lệ hộ dân tái sử dụng giấy chỉ chiếm 4% (Hình 5). Như vậy, những loại rác thải được người dân tái sử dụng chủ yếu là rác thải khó phân hủy, đây là một trong những giải pháp góp phần giảm lượng rác thải ra môi trường, tuy nhiên tỷ lệ người dân thực hiện công tác này còn thấp, vì vậy cần có những giải pháp giúp người dân hiểu hơn vai trò của công tác này đối với quản lý rác thải trong thời gian tới.



Hình 5. Phân bố nhóm loại rác thải được chọn tái sử dụng



Hình 6. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tái sử dụng rác thải

Tình trạng tái sử dụng rác thải ở khu vực được khảo sát có phần ảnh hưởng của trình độ học vấn, nghề nghiệp, giới tính và lượng rác thải. Trong đó ở trình độ cấp 2 có tái sử dụng rác thải chiếm tỷ lệ cao (chiếm tới 44%); kể đến là cấp 3 và đại học có tái sử dụng rác thải là chiếm tỷ lệ 33% và thấp nhất trong nhóm cấp trình độ có tái sử dụng rác thải là ở cấp 1 chỉ chiếm có 19%. Tỷ lệ nữ việc chọn có tái sử dụng rác thải (37%) cao hơn nam (30%). Tỷ lệ hộ gia đình có lượng rác thải dưới 4 kg có tái sử dụng rác là 35%,

trong khi ở những hộ gia đình có lượng rác nhiều hơn đều không tái sử dụng rác thải (Hình 6). Không thực hiện tái sử dụng rác thải cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng lượng rác thải của gia đình.

3.3.4. Tình trạng bán tái chế của hộ dân

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ gia đình có bán rác để tái chế chiếm đến 92% và loại rác được bán là chai nhựa và hộp kim loại (92%) và kết hợp với giấy (22%), túi nilon (12%). Qua đây đã cho thấy tỷ lệ người dân đã thực hiện công tác phân loại rác ở địa phương cao hơn nhận định của người dân (Hình 7), đa số hộ dân được khảo sát đã chủ động trong công tác phân loại những loại rác có thể bán tái chế, vì khi bán người dân có thể thu được một số tiền nhất định. Đây cũng là một trong những định hướng để khuyến khích người dân thực hiện tốt công tác phân loại rác tại nguồn trong thời gian tới. Vì hoạt động này đã góp phần rất quan trọng trong giảm phát thải ra môi trường các loại rác khó phân hủy như rác thải nhựa (chai nhựa và túi nilon), bảo vệ tài nguyên (hộp kim loại và giấy). Cần có những giải pháp tuyên truyền để người dân hiểu rõ hơn về vai trò của công tác phân loại rác, tái sử dụng và tái chế để những công tác này sẽ phát triển nhiều hơn trong thời gian tới.

3.3.5. Phương pháp xử lý rác thải sinh hoạt của các hộ dân

Từ kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người dân lựa chọn sử dụng dịch vụ thu gom cho rác thải hữu cơ là 74% (hộ dân) và rác thải nguy hại 76% (hộ dân), riêng đối với rác thải vô cơ thì hầu hết hộ dân lựa chọn phương pháp bán tái chế (90% hộ dân). Qua đây cho thấy hầu hết hộ dân đã có phân loại và chọn giải pháp để xử lý từng loại rác thải của gia đình. Tuy nhiên vẫn còn 1 số ít hộ dân chọn phương pháp đốt để xử lý rác thải hữu cơ (10% hộ dân) và rác thải vô cơ (4% hộ dân), hoặc chôn lấp rác hữu cơ ở những hố rác không có nắp đậy (8%), các phương pháp xử lý này đơn giản, dễ thực hiện nhưng lại là nguồn gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, cần tuyên truyền để người dân hiểu và chọn giải pháp xử lý phù hợp hơn. Tỷ lệ hộ dân tận dụng rác hữu cơ để ủ làm phân bón rất thấp (2% hộ dân; Bảng 2). Qua đây cho thấy tỷ lệ người dân đã thực hiện công tác phân loại rác tại nguồn khá cao, đây là điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện “Kế hoạch 235/KH-UBND về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn tỉnh Đồng

Tháp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030” với mục tiêu ít nhất 30% (năm 2025) đến 70% (năm 2030) CTRSH phát sinh ở đô thị được phân loại tại hộ gia đình và phân đầu đến năm 2025 tỉnh Đồng Tháp sẽ có Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt đi vào hoạt động theo công nghệ tiên tiến (ưu tiên công nghệ đốt kết hợp phát điện) với công suất đáp ứng xử lý trên 70% lượng CTRSH (UBND tỉnh Đồng Tháp, 2021). Tuy nhiên, hệ thống thu gom CTRSH của địa phương hiện chưa thu gom riêng từng loại CTRSH cũng là một trong những trở ngại trong quá trình tuyên truyền để người dân ở địa phương phát huy và thực hiện tốt hơn hoạt động phân loại CTRSH tại hộ gia đình.

Tất cả người dân được phỏng vấn (100%) đều hiểu CTRSH nếu không được quản lý tốt sẽ ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe. Trong đó, có đến 36% người dân còn cho biết rác thải ảnh hưởng đến cảnh quan, 16% nhận định rác thải còn ảnh hưởng đến giao thông.

Bảng 2. Phương pháp xử lý các loại rác thải của hộ dân

Phương pháp xử lý	Tỷ lệ hộ dân (%)		
	Rác hữu cơ (thực phẩm)	Rác vô cơ	Rác nguy hại
Thu gom	74	6	76
Chôn hố không có nắp đậy	8	-	-
Đốt	6	4	-
Đổ rác nơi tập kết	6	-	12
Đổ rác nơi tập kết và Đốt	4	-	-
Ủ làm phân	2	-	-
Bán tái chế	-	90	-
Chôn lấp	-	-	12

3.4. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt của địa phương

Từ kết quả khảo sát cho thấy tất cả những người dân được phỏng vấn đều biết trên địa bàn có dịch vụ thu gom rác, tần suất thu gom là 1 lần/ngày, đảm bảo tốt việc thu gom rác, tuy vậy chỉ có 76% hộ dân có nhu cầu sử dụng dịch vụ này (Bảng 2). Vì vậy cần có những giải pháp tuyên truyền để người dân ở địa

phương hiểu rõ hơn về vai trò của việc sử dụng dịch vụ này và tích cực tham gia.

Bảng 2. Hiện trạng thu gom rác thải sinh hoạt địa phương

Hiện trạng thu gom	Tỷ lệ hộ dân (%) / 50 hộ dân
Biết về có dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt	100
Tần suất thu gom rác (1 lần/ngày)	100
Thu gom đã đảm bảo	100
Nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom	76

78% người dân được khảo sát biết được những thông tin về quản lý rác thải sinh hoạt từ các kênh tuyên truyền và tờ rơi hướng dẫn của địa phương, 22% là từ báo đài và các kênh truyền thông. Điều này có thể cho biết việc tuyên truyền, phát động của địa phương rất được chú trọng và người dân cũng đã tích cực hơn trong tiếp nhận những thông tin và kiến thức về rác thải và quản lý rác thải. Tỷ lệ hộ dân tham gia các chương trình, chiến dịch tuyên truyền liên quan đến quản lý rác thải và bảo vệ môi trường thấp (28%). Vì vậy cần có những giải pháp để người dân địa phương tham gia tích cực hơn nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong quản lý tốt chất thải sinh hoạt của gia đình và địa phương.

4. Kết luận và đề xuất

Từ kết quả điều tra ở các hộ dân thì lượng rác thải trung bình là $2,25 \pm 0,87$ kg/hộ/ngày, tương ứng 0,54 kg/người/ngày, 86% người khảo sát cho biết rác thải phát sinh chủ yếu của gia đình là rác thải dễ phân hủy, rác thải vô cơ khó phân hủy.

Tỷ lệ hộ dân có phân loại rác thải là 84%, tuy nhiên người dân tái sử dụng rác thải ít (34%), trong khi đó có đến 92% hộ gia đình có bán rác để tái chế như chai nhựa, hộp kim loại, giấy, túi nilon.

CTRSH của gia đình chủ yếu được chứa trong thùng rác (62% hộ dân) và chủ yếu là không có nắp đậy, 38% số hộ dân sử dụng túi nilon. Phương thức thu gom được nhiều hộ dân áp dụng để xử lý rác hữu cơ (74%) và rác nguy hại (76%), riêng rác thải vô cơ thì chủ yếu là bán tái chế (90%). Tuy vậy vẫn còn 1 số hộ dân đốt rác hữu cơ (10%) và rác vô cơ (4%).

Người dân được phỏng vấn đều biết được những thông tin về quản lý CTRSH và hiểu được hiệu quả của dịch vụ thu gom rác ở địa phương. Tuy nhiên, tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ này (76%) và tham gia các hoạt động quản lý rác ở địa phương (28%) còn thấp.

Kết quả khảo sát về lượng và thành phần rác thải ở địa phương đã ghi nhận lượng rác thải là $0,45 \pm 0,18$ (kg/người/ngày), độ ẩm của rác thải là 68,72%, tỷ lệ rác thải hữu cơ chiếm 66,45%.

Cần có những giải pháp tuyên truyền về giải pháp và lợi ích của mô hình 3R và phân loại CTRSH tại nguồn để hướng đến thực hiện tốt qui định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Kế hoạch 235/KH-UBND tỉnh Đồng Tháp./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Tài nguyên và môi trường. 2020. Báo cáo hiện trạng môi trường Quốc gia năm 2019, Chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt. Nhà xuất bản dân trí.

Chính phủ. (2022). Nghị định 08/2022-NĐ CP.

Nghị định quy định một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngân hàng Thế giới. (2018). Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt và chất thải công nghiệp nguy hại - Các phương án và hành động nhằm thực hiện chiến lược quốc gia.

Nguyễn, T. B., Cao, T. S., Nguyễn, V. D., & Nguyễn, M. A. (2020). Đánh giá thực trạng quản lý rác thải sinh hoạt tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn*, 2, 128-136.

Nguyễn, T. V. (2012). Tính kinh tế trong hoạt động tái sinh - tái chế chất thải rắn đô thị và sinh hoạt tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Nội san Khoa học Môi trường và Phát triển bền vững*, 3. *Khoa Công nghệ và Quản lý Môi trường, Trường Đại học Văn Lang*.

UBND tỉnh Đồng Tháp. (2021). Kế hoạch số 235/KH-UBND về Phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.